

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **5556**/TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2024

V/v hoàn thuế tờ khai NK tại chỗ

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn vướng mắc của Tập đoàn Phong Thái về việc hoàn thuế nhập khẩu đối với các tờ khai nhập khẩu tại chỗ. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về thủ tục hải quan

Căn cứ Điều 24 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định về hồ sơ hải quan;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định: Người khai hải quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình;

Căn cứ khoản 5 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 giải thích khái niệm “*Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam*”;

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ giải thích khái niệm “*Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam*”;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ;

Căn cứ Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về hồ sơ hải quan khi làm thủ tục hải quan;

Căn cứ Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 58 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam thì thuộc trường hợp làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ. Cơ quan hải quan thực hiện thủ tục hải quan theo quy định về hồ sơ hải quan tại Điều 24 Luật Hải quan; Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC; Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 58 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Cơ sở xác định tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam trong trường hợp hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP. Doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại chỗ (người khai hải quan) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. Trường hợp có thông tin về việc tờ khai hải quan không hợp lệ, cơ quan hải quan phối hợp với các đơn vị có liên quan để kiểm tra, xác minh tính hợp lệ của tờ khai hải quan.

2. Về việc hoàn thuế các tờ khai nhập khẩu tại chỗ

2.1. Chính sách thuế

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định; khoản 1 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định hoàn thuế nhập khẩu đối với trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm;

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ quy định sản phẩm nhập khẩu tại chỗ để gia công thì được miễn thuế nhập khẩu nếu người nhập khẩu tại chỗ đáp ứng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 10 Nghị định này. Sản phẩm nhập khẩu tại chỗ đăng ký tờ khai hải quan theo loại hình khác thì người nhập khẩu tại chỗ kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất và trị giá tính thuế của sản phẩm nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai. Trường hợp người nhập khẩu tại chỗ đã nộp thuế nhập khẩu hàng hóa để sản xuất, kinh doanh, đã đưa sản phẩm nhập khẩu tại chỗ vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và thực tế đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hoặc khu phi thuế quan thì được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.

Như vậy, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 134/2016/NĐ-CP có quy định hoàn thuế nhập khẩu đã nộp theo Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đối với trường hợp sản phẩm nhập khẩu tại chỗ đăng ký tờ khai loại hình sản xuất, kinh doanh, đã nộp thuế nhập khẩu sau đó đã đưa sản phẩm nhập khẩu tại chỗ vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu, thực tế đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan.

2.2. Hồ sơ, thủ tục hoàn thuế

Căn cứ quy định tại Chương VIII Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 về thủ tục hoàn thuế;

Căn cứ khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định về cơ sở để xác định hàng hóa được hoàn thuế, hồ sơ hoàn thuế, thủ tục nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoàn thuế.

Căn cứ quy định tại Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục hoàn thuế.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp sản phẩm nhập khẩu tại chỗ đăng ký tờ khai loại hình sản xuất, kinh doanh, đã nộp thuế nhập khẩu sau đó đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu, thực tế đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, thì thuộc đối tượng hoàn thuế nhập khẩu đã nộp theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Cơ sở để xác định hàng hóa được hoàn thuế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP; hồ sơ, thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP; Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

Đối chiếu các quy định nêu trên với trường hợp của Tập đoàn Phong Thái: Trường hợp các Công ty thuộc Tập đoàn Phong Thái đã đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ loại hình sản xuất, kinh doanh, đã nộp thuế nhập khẩu sau đó đưa hàng hóa nhập khẩu vào sản xuất sản phẩm xuất khẩu, thực tế sản phẩm sản xuất đã xuất khẩu ra nước ngoài thì việc xử lý hoàn thuế thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP; Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Hồ sơ hoàn thuế; tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế; phân loại hồ sơ hoàn thuế; trình tự, thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; khoản 5, khoản 6 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP; Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC.

Tổng cục Hải quan có ý kiến như trên để Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (đề b/c);
- VP BTC (đề b/c);
- PTCT Âu Anh Tuấn (đề b/c);
- Cục GSQL (đề biết);
- Tập đoàn Phong Thái (Công ty TNHH Đông Phương Đồng Nai – KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) (thay trả lời);
- Lưu: VT, TXNK (3b).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đặng Sơn Tùng